

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026 CẬP NHẬT
(Hình thức đào tạo: Chính quy và thường xuyên)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG (Bac Giang Agriculture and Forestry University)

2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: DBG

3. Địa chỉ: Phường Việt Yên, tỉnh Bắc Ninh.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo: bafu.edu.vn

5. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh:

<https://bafu.edu.vn/home/attachments/article/3718/quychetsdh-dhnlbg.pdf>

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 02043.874.387 / 0363.074.886

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo

<https://bafu.edu.vn/home/tin-tuc/dao-tao-tuyen-sinh/3484-cong-khai-cac-dieu-kien-dam-bao-chat-luong.html>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

1. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh cập nhật

Căn cứ yêu cầu bảo đảm chất lượng, Trường xác định và công bố ngưỡng đầu vào cho các ngành, nhóm ngành và phương thức tuyển sinh trước thời gian kết thúc đăng ký dự tuyển theo kế hoạch tuyển sinh hàng năm và yêu cầu của chuẩn chương trình đào tạo, cụ thể:

- Đối với phương thức xét tuyển/xét tuyển kết hợp ngưỡng đầu vào là điều kiện dự tuyển/điều kiện nộp hồ sơ dự tuyển của thí sinh.

- Đối với phương thức thi tuyển hoặc xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông, Trường công bố ngưỡng đầu vào theo quy định chung của Bộ GDĐT

Điểm trúng tuyển: Thực hiện quy đổi tương đương theo quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và công bố của Trường.

2. Số lượng tuyển sinh cập nhật

TT	Mã xét tuyển	Ngành xét tuyển	Chỉ tiêu tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh
1	7340301	Kế toán	110	PT1 (301); PT2 (100); PT3 (402); PT4 (200)
2	7340122	Thương mại điện tử	55	PT1 (301); PT2 (100); PT3 (402); PT4 (200)

TT	Mã xét tuyển	Ngành xét tuyển	Chỉ tiêu tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh
3	7340101	Quản trị kinh doanh	77	PT1 (301); PT2 (100); PT3 (402); PT4 (200)
4	7540101	Công nghệ thực phẩm	50	PT1 (301); PT2 (100); PT3 (402); PT4 (200)
5	7620105	Chăn nuôi	30	PT1 (301); PT2 (100); PT3 (402); PT4 (200)
6	7620110	Khoa học cây trồng	30	PT1 (301); PT2 (100); PT3 (402); PT4 (200)
7	7620112	Bảo vệ thực vật	30	PT1 (301); PT2 (100); PT3 (402); PT4 (200)
8	7620211	Quản lý tài nguyên rừng	30	PT1 (301); PT2 (100); PT3 (402); PT4 (200)
9	7620101	Nông nghiệp	30	PT1 (301); PT2 (100); PT3 (402); PT4 (200)
10	7640101	Thú y	50	PT1 (301); PT2 (100); PT3 (402); PT4 (200)
11	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	286	PT1 (301); PT2 (100); PT3 (402); PT4 (200)
12	7220201	Ngôn ngữ Anh	55	PT1 (301); PT2 (100); PT3 (402); PT4 (200)
13	7310101	Kinh tế	50	PT1 (301); PT2 (100); PT3 (402); PT4 (200)
14	7310110	Quản lý kinh tế	50	PT1 (301); PT2 (100); PT3 (402); PT4 (200)
15	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	30	PT1 (301); PT2 (100); PT3 (402); PT4 (200)
16	7850103	Quản lý đất đai	50	PT1 (301); PT2 (100); PT3 (402); PT4 (200)
17	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	77	PT1 (301); PT2 (100); PT3 (402); PT4 (200)
18	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	77	PT1 (301); PT2 (100); PT3 (402); PT4 (200)
19	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	150	PT1 (301); PT2 (100); PT3 (402); PT4 (200)
20	7480201	Công nghệ thông tin	66	PT1 (301); PT2 (100); PT3 (402); PT4 (200)
Tổng			1383	

Ghi chú phương thức tuyển sinh: PT1 (mã 301): Xét tuyển thẳng; PT2 (mã 100): Xét tuyển kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026; PT3 (mã 402): Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực SPT của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; PT4 (mã 200): Xét tuyển theo kết quả học tập bậc THPT.

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC THƯỜNG XUYÊN

1. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh cập nhật

Căn cứ yêu cầu bảo đảm chất lượng, Trường xác định và công bố ngưỡng đầu vào cho các ngành, nhóm ngành và phương thức tuyển sinh trước thời gian kết thúc đăng ký dự tuyển theo kế hoạch tuyển sinh hàng năm và yêu cầu của chuẩn chương trình đào tạo, cụ thể:

- Thí sinh đã tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên cùng nhóm ngành dự tuyển trình độ đại học được áp dụng quy định ngưỡng đầu vào như sau: Điểm trung bình chung học tập toàn khóa (hoặc điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp) của trình độ đào tạo đã tốt nghiệp (đại học, cao đẳng, trung cấp) đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc từ 2,2 trở lên (theo thang điểm 4).

- Căn cứ yêu cầu đảm bảo chất lượng. Nhà trường xác định và công bố ngưỡng đầu vào cho các chương trình đào tạo và phương thức tuyển sinh trước thời gian kết thúc đăng ký dự tuyển theo kế hoạch tuyển sinh hàng năm và yêu cầu của chuẩn chương trình đào tạo.

Điểm trúng tuyển: Thực hiện quy đổi tương đương theo quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và công bố của Trường. 

Cán bộ kê khai cập nhật
Phạm Thị Dinh
ĐT: 0975194298
Email: dinhcdnl@gmail.com

Bắc Ninh, Ngày 12 tháng 6 năm 2026

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG


Mai Thị Huyền

